

THANH KHOẢN CẢI THIỆN TÍCH CỰC

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

| | |
|------------|--|
| MUA | Các hoạt động mua trading T+, nhà đầu tư nên hạn chế mua ở các mức giá cao trong phiên mà nên chờ các nhịp điều chỉnh rung lắc của thị trường để mở vị thế. |
| BÁN | Đối với các nhà đầu tư cần thực hiện cơ cấu danh mục hoặc bán chốt lời các vị thế mua bắt đáy có thể sử dụng các lệnh trailing stop hoặc bán từng phần trong các nhịp tăng của chỉ số. |

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

| | |
|------------|------------------|
| VCI | MUA |
| | ↑ 10,19% |
| | VND41.100 |

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng nhẹ vào ngày thứ Tư và gần như chỉ số đã lấy lại những gì đã mất trong năm.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Sự khởi sắc của nhóm cổ phiếu ngân hàng giúp thị trường có phiên giao dịch đầy hứng khởi, VN-Index tăng hơn 16 điểm lên gần mốc 1.310. Thanh khoản đang gia tăng cho thấy dòng tiền bắt đầu tự tin giải ngân mạnh hơn nữa. Về kỹ thuật, thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng trong phiên kế tiếp và VN-Index có thể sẽ thử thách vùng kháng cự 1.315-1.320. Các vị thế giải ngân mới cần chọn lọc cẩn trọng, phụ thuộc vào triển vọng tăng trưởng ở vùng giá hiện nay. NĐT có tỉ trọng cao, nên xem xét cơ cấu danh mục ngắn hạn khi VN-Index hướng đến vùng kháng cự quanh 1.310-1.317 điểm.

Thị trường thế giới

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | YTD |
|--------------------|-----------|-------|-------|
| Dow Jones | 42.051,06 | -0,21 | -1,16 |
| S&P 500 | 5.892,58 | 0,10 | 0,19 |
| Nasdaq | 19.146,81 | 0,72 | -0,85 |
| VIX | 18,62 | 2,20 | 7,32 |
| DAX | 23.527,01 | -0,47 | 18,17 |
| FTSE 100 | 8.585,01 | -0,21 | 5,04 |
| CAC40 | 7.836,79 | -0,47 | 6,18 |
| Hang Seng | 23.644,40 | 0,02 | 17,87 |

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

| | Ngày | Tuần | Tháng |
|--------------------------|------------|------------|----------------|
| Xu hướng VN-Index | BUY | BUY | NEUTRAL |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|---------------------|-----------------|------------|
| RSI (14) | 65,96 | BUY |
| MACD (12,26) | 9,39 | BUY |
| ADX (14) | 22,37 | BUY |
| SMA5 | 1.284,70 | BUY |
| SMA20 | 1.239,63 | BUY |
| SMA50 | 1.271,71 | BUY |
| SMA100 | 1.268,30 | BUY |
| SMA200 | 1.262,64 | BUY |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** tăng nhẹ vào ngày thứ Tư (14/05), trong đó đà tăng mạnh mẽ trong tuần đã giúp chỉ số này lấy lại những gì đã mất trong năm. Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/05, chỉ số S&P 500 tăng 0.10% lên 5,892.58 điểm, chỉ số Nasdaq Composite tăng 0.72% lên 19,146.81 điểm Trong khi, chỉ số Dow Jones mất 89.37 điểm (tương đương 0.21%) còn 42,051.06 điểm.
- **Trong 4 tháng đầu năm nay, Việt Nam** chỉ khoảng 5,6 tỷ USD nhập khẩu hàng từ Mỹ, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt, các mặt hàng nguyên liệu và thiết bị công nghệ cao, điều này cho thấy Việt Nam đang tích cực tăng nhập khẩu hàng Mỹ, hướng tới cân bằng cán cân thương mại hài hòa.
- **VPB:** Cổ phiếu VPB tiếp tục tạo điểm nhấn trên thị trường trong phiên 14/5 khi tăng trần lên 18.900 đồng/cổ phiếu, đưa vốn hóa lên 149.951 tỷ đồng, tương đương gần 6 tỷ USD. Đây là phiên tăng mạnh thứ hai liên tiếp, trong bối cảnh dòng tiền khối ngoại dồn dập đổ vào mã ngân hàng này.
- **DVP:** CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ mới thông báo, ngày 30/05 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2/2024. Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 40%. Thời gian thanh toán vào ngày 27/06.
- **TCB:** Ngày 9/5/2025, Techcombank đã phát hành 2.000 trái phiếu mã TCB12507 với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Với kỳ hạn 24 tháng, lô trái phiếu dự kiến đáo hạn ngày 9/5/2025.
- **DDV:** Quý II/2025, DDV đặt ra mục tiêu sản lượng DAP sản xuất và tiêu thụ cùng đạt 60.000 tấn. Tổng doanh thu thuần đạt 1.050 tỷ đồng, tăng 12% so với quý II/2024, nhưng giảm 10% so với thực hiện quý đầu năm; lợi nhuận trước thuế đạt 80 tỷ đồng, đi ngang cùng kỳ và giảm 47% so với thực hiện quý trước.
- **HAX:** Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vừa công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chuyển nhượng bất động sản thuộc dự án của công ty. Đây là bất động sản tọa lạc tại đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP HCM. Loại đất ở đô thị với tổng diện tích 6.282,6 m2.
- **HSG:** Mới đây, CTCP Tập đoàn Hoa Sen công bố kết quả kinh doanh tháng 4 và lũy kế 7 tháng niên độ tài chính 2024/2025 (1/10/2024 – 30/9/2025). Theo đó, doanh thu thuần trong tháng 4 đạt 3.265 tỷ đồng, năng lũy kế 7 tháng lên 21.939 tỷ đồng, hoàn thành 58% kế hoạch (theo phương án cao). Lợi nhuận sau thuế 7 tháng đạt 460 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch.
- **OCB:** Áp lực nợ xấu cùng chi phí gia tăng khiến lợi nhuận trước thuế quý I/2025 của OCB chỉ đạt xấp xỉ 900 tỷ đồng, giảm hơn 300 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Chg | YTD |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng | 3.185,75 | 0,27 | 21,39 |
| Dầu WTI | 62,03 | -1,77 | -13,51 |
| Dầu Brent | 65,02 | -1,62 | -12,89 |
| Than | 99,00 | -0,90 | -20,96 |
| Đồng | 9.606,50 | 0,07 | 9,56 |
| Quặng sắt | 100,59 | 0,62 | -4,04 |
| Thép | 466,00 | 1,30 | -2,05 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá | %Chg | YTD |
|---------|---------|-------|-------|
| DXY | 100,834 | -0,20 | -7,05 |
| USD/JPY | 146,18 | 0,39 | 7,54 |
| USD/CNY | 7,2145 | -0,08 | 1,18 |
| EUR/USD | 1,1199 | 0,21 | 8,16 |
| GBP/USD | 1,3284 | 0,16 | 6,14 |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED | 4,50% | 18/06/2025 | 0,00 |
| ECB | 2,40% | 05/06/2025 | -0,25 |
| BOE | 4,50% | 19/06/2025 | 0,00 |
| BOJ | 0,50% | 17/06/2025 | 0,00 |
| SBV | 6,50% | - | -50bp |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD | Giá | %Chg |
|-------|----------|---------|-------|
| HPG | 892,91 | 26.150 | 1,36 |
| FPT | 1.491,96 | 126.300 | 5,69 |
| MWG | 635,45 | 64.000 | 0,79 |
| TCB | 589,93 | 29.850 | 1,53 |
| STB | 474,01 | 40.000 | -0,25 |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa | Giá | %Chg |
|-------|------------|---------|------|
| VCB | 490.478,13 | 58.700 | 3,35 |
| BID | 262.950,00 | 37.450 | 4,61 |
| CTG | 212.651,67 | 39.600 | 0,51 |
| FPT | 187.091,99 | 126.300 | 5,69 |
| TCB | 210.885,82 | 29.850 | 1,53 |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

VCI

| | |
|--------------------|---------------|
| Khuyến nghị | MUA |
| Giá hiện tại | 37.700 |
| Giá mục tiêu | 41.100 |
| Tiềm năng tăng giá | 10,19% |
| Vùng giải ngân | 36.500-37.300 |
| Ngưỡng cắt lỗ | <35.400 |

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Quý 1, CTCP Chứng khoán Vietcap có doanh thu hoạt động gần 851 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Đà tăng này được đóng góp chính nhờ mảng tự doanh và cho vay. Lãi sau thuế quý 1 của VCI đạt gần 295 tỷ đồng, gấp rưỡi so với cùng kỳ.
- Năm 2025, VCI đặt kế hoạch doanh thu đạt 4.325 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2024. Lãi trước thuế đạt 1.420 tỷ đồng, tăng 30%. Công ty có kế hoạch chia cổ tức theo tỷ lệ 5 - 10%, ủy quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả và hình thức chi trả tùy theo tình hình thực tế.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VCI duy trì nhịp phục hồi và đang hình thành vùng tích lũy trên đường MA20 ngày. Nhà đầu tư có thể quan sát và canh giải ngân thăm dò đối với cổ phiếu VCI nếu có những phiên tích lũy trên các ngưỡng hỗ trợ với vùng mua 36.500-37.300 đồng.

Thông tin tài chính

| | FY2023 | FY2024 | Q1 2025 |
|-------------|--------|----------|---------|
| DTT (tỷ đ) | 2.472 | 3.696 | 999 |
| LNTT (tỷ đ) | 570 | 1.089 | 253 |
| LNST (tỷ đ) | 492 | 911 | 218 |
| Nợ/VCSH (%) | 123 | 97 | 97 |
| ROE (%) | 7,09 | 8,97 | 9,71 |
| ROA (%) | 3,12 | 4,15 | 4,66 |
| EPS (VNĐ) | 866,92 | 1.540,00 | 1610,44 |
| P/E (lần) | 37,93 | 21,56 | 23,41 |
| P/B (lần) | 2,54 | 1,84 | 2,15 |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

| | Ngày | Tuần | Tháng |
|----------|------|------|---------|
| Xu hướng | BUY | BUY | NEUTRAL |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| RSI (14) | 56,02 | BUY |
| MACD (12,26) | 0,00 | BUY |
| ADX (14) | 21,84 | NEUTRAL |
| SMA5 | 36.840 | BUY |
| SMA20 | 36.720 | BUY |
| SMA50 | 37.430 | BUY |
| SMA100 | 35.680 | BUY |
| SMA200 | 35.060 | BUY |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|---------------------------------|-------------|----------|-----------|-----------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| Danh mục theo dõi | | | | | | | | | | |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua | | | | | | | | | | |
| 1 | SSI | Nắm giữ | 21,5-22,5 | 22/4/2025 | 21,5 | 25,3 | 21,3 | | | 11,16% |
| 2 | VCG | Mua | 21-21,8 | 22/4/2025 | 21 | 24,5 | 20,7 | | | 2,14% |
| 3 | TCB | Chốt lời | 25-25,8 | 28/4/2025 | 25,8 | 28,2 | 24,5 | 13/5/2025 | 29,5 | 14,34% |

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1 | MWG | Chốt lời | 39,6-40,8 | 5/6/2023 | 40,8 | 54,8 | 37,8 | 31/7/2023 | 54 | 32,35% |
| 2 | NLG | Chốt lời | 31,3-32,45 | 9/6/2023 | 32 | 38,3 | 30,2 | 18/7/2023 | 38,3 | 19,69% |
| 3 | MWG | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8 | 5/6/2023 | 40,8 | 47,8 | 37,8 | 11/7/2023 | 48,8 | 19,61% |
| 4 | DGW | Chốt lời | 54,5-56 | 16/2/2024 | 56 | 63,2 | 53,9 | 13/3/2024 | 64,3 | 16,07% |
| 5 | HCM | Chốt lời | 21,1-22 | 20/12/2023 | 21,9 | 24,3 | 20,4 | 2/1/2024 | 25,4 | 15,98% |
| 6 | SSI | Chốt lời | 27,8-28,8 | 26/10/2023 | 27,2 | 32,8 | 26,9 | 10/11/2023 | 31,5 | 15,81% |
| 7 | DBC | Chốt lời | 20,3-20,6 | 20/6/2023 | 20,6 | 23,6 | 19,2 | 6/7/2023 | 23,85 | 15,78% |
| 8 | DGW | Chốt lời | 32,4-33 | 16/5/2023 | 33 | 37,2 | 30,7 | 6/6/2023 | 37,8 | 14,55% |
| 9 | VPB | Chốt lời | 18,6-19,2 | 26/4/2023 | 19,2 | 22,6 | 17,9 | 1/8/2023 | 21,95 | 14,32% |
| 10 | ANV | Chốt lời | 34,8-36,3 | 11/9/2023 | 36,3 | 41,2 | 33,8 | 22/9/2023 | 41,2 | 13,50% |
| 11 | DGW | Chốt lời | 49-51,5 | 21/11/2023 | 50 | 57,8 | 48 | 8/1/2023 | 56,7 | 13,40% |
| 12 | HCM | Chốt lời | 25,9-26,3 | 12/6/2023 | 26,3 | 29,5 | 24,5 | 5/7/2023 | 29,8 | 13,31% |
| 13 | SSI | Chốt lời | 28,0-28,6 | 1/8/2023 | 28,6 | 33,5 | 27,4 | 25/8/2023 | 32,3 | 12,94% |
| 14 | PVS | Chốt lời | 30,4-31,2 | 22/8/2023 | 31,2 | 35,2 | 29,3 | 30/8/2023 | 35,2 | 12,82% |
| 15 | HPG | Chốt lời | 24,8-25,8 | 22/8/2023 | 25,8 | 29,1 | 24 | 7/9/2023 | 29,1 | 12,79% |
| 16 | NKG | Chốt lời | 17,3-17,7 | 5/7/2023 | 17,5 | 20,4 | 16,3 | 21/7/2023 | 19,7 | 12,57% |
| 17 | KSB | Chốt lời | 26,6-27,1 | 8/6/2023 | 27,1 | 30,5 | 25,2 | 27/6/2023 | 30,5 | 12,55% |
| 18 | NKG | Chốt lời | 20,3-20,8 | 24/11/2023 | 20,8 | 23,9 | 19,6 | 30/11/2023 | 23,35 | 12,26% |
| 19 | HAH | Chốt lời | 34-35,5 | 23/11/2023 | 35 | 40,7 | 32,9 | 26/12/2023 | 39,2 | 12,00% |
| 20 | GVR | Chốt lời | 18,9-19,3 | 28/6/2023 | 19,3 | 22,3 | 18 | 11/7/2023 | 21,6 | 11,92% |
| 21 | VCG | Chốt lời | 25,5-26,2 | 18/8/2023 | 26,2 | 29,3 | 24,5 | 5/9/2023 | 29,3 | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| 1 | VCG | Chốt lời | 17,7-18,1 | 14/01/2025 | 18,1 | 19,8 | 17,2 | 3/2/2025 | 20 | 10,50% |
| 2 | HPG | Cắt lỗ | 26-26,8 | 5/2/2025 | 26,8 | 28,9 | 25,5 | 10/2/2025 | 25,50 | -4,8% |
| 3 | VCI | Chốt lời | 33,6-34,6 | 4/2/2025 | 34,35 | 37,45 | 32 | 3/3/2025 | 37,45 | 9,02% |
| 4 | SSI | Chốt lời | 24,5-25 | 24/2/2025 | 25,3 | 27,4 | 23,8 | 13/3/2025 | 27,4 | 8,30% |
| 5 | POW | Cơ cấu | 11,4-11,8 | 12/2/2025 | 11,8 | 13,2 | 11,2 | 14/3/2025 | 12 | 1,69% |
| 6 | VHC | Cơ cấu | 67,5-69,5 | 18/2/2025 | 69,5 | 76 | 65,6 | 14/3/2025 | 67,9 | -2,3% |
| 7 | PC1 | Cơ cấu | 23,5-23,9 | 26/2/2025 | 23,9 | 26,3 | 22,7 | 14/3/2025 | 23,1 | -3,35% |
| 8 | KSB | Cơ cấu | 19,6-20 | 6/3/2025 | 19,9 | 22,1 | 19 | 14/3/2025 | 19,85 | -0,21% |
| 9 | DXG | Cơ cấu | 15,7-16,2 | 11/3/2025 | 16,2 | 17,8 | 15,2 | 14/3/2025 | 16,1 | -0,61% |
| 10 | BID | Cắt lỗ | 38,6-39,3 | 6/2/2025 | 39,6 | 45 | 37,3 | 3/4/2025 | 37,3 | -5,81% |
| 11 | KBC | Cắt lỗ | 28,5-29,5 | 18/2/2025 | 29,2 | 33 | 27,6 | 3/4/2025 | 27,6 | -5,4% |
| 12 | VPB | Cắt lỗ | 18,7-19 | 21/02/2025 | 19 | 21,2 | 18 | 3/4/2025 | 18 | -5,26% |
| 13 | STB | Chốt lời | 33,7-34,7 | 4/4/2025 | 34,1 | 38,4 | 33 | 16/4/2025 | 38,6 | 13,20% |
| 14 | MBB | Chốt lời | 21,8-22,3 | 22/4/2025 | 21,8 | 24,5 | 20,7 | 29/4/2025 | 23,7 | 8,72% |
| 15 | HPG | Chốt lời | 23-24 | 22/4/2025 | 23,4 | 26,5 | 22,8 | 29/4/2025 | 25,65 | 9,62% |

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VN-Index: 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

| MICP | NVL | Tỷ lệ |
|------------------|---------|----------|
| Mua | 16-16.5 | |
| Cắt lỗ | Điểm 14 | ~(-12%) |
| Chốt lời 1:(50%) | 18-19 | ~13%-18% |
| Chốt lời 2:(50%) | 21-22 | ~18-37% |
| MICP | MSN | Tỷ lệ |
| Mua | 65-66 | |
| Cắt lỗ | Điểm 59 | ~(-8%) |
| Chốt lời 1:(50%) | 72-75 | ~12%-14% |
| Chốt lời 2:(50%) | Năm giờ | |
| MICP | GEX | Tỷ lệ |
| Mua | 21-21.5 | |
| Cắt lỗ | 19.8 | ~(-4%) |
| Chốt lời 1:(50%) | 23-24 | ~7%-12% |
| Chốt lời 2:(50%) | 25.5-26 | ~13%-34% |

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

| | |
|--------------------|------------------------|
| Mã chứng khoán | MWG |
| Tổng khối lượng CK | 180,000 |
| Giá vốn trung bình | 43.34 |
| Gốc đầu tư | 99800 đ |
| Giá trị thị trường | 8,280,000,000 đ |
| Lãi/lỗ (dự kiến) | +479,500,200 đ (4.15%) |

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room